



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XÂY LẮP SONACONS**

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                         | <b>Trang</b>   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                       | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>                                                                     | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                     | <b>5</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>                                            | <b>6 - 9</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b> | <b>10</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>    | <b>13 - 29</b> |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602209420, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai ngày 04 tháng 5 năm 2013 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 3 đường số 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (84-251) 3.836.496 – 3.833.497
- Fax : (84-251) 3.932.571

Hoạt động kinh doanh của Công ty Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; thiết kế trang trí nội – ngoại thất công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế nội-ngoại thất công trình kiến trúc; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế điện công trình với cấp điện áp đến 35KV;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích: thủy lợi, cấp thoát nước, hệ thống tưới tiêu, nhà máy xử lý nước thải, các trạm bơm, khoan nguồn nước, mạng lưới truyền năng lượng, viễn thông;
- Thi công lắp đặt các sản phẩm cơ khí;
- Xây dựng các công trình đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (không sản xuất, không dùng để cấp điện sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất (không sản xuất, không dùng để cấp điện sản xuất tại trụ sở);
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà kho, xưởng bãi;
- Cho thuê máy, móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cung ứng lao động tạm thời (chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Chuẩn bị mặt bằng.





**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên             | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|-----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Trương Minh Hoàng | Chủ tịch     | Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Vĩnh Phú   | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2015     |
| Ông Lê Anh Hoàn       | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Lê Hoàng Phi      | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Thanh Hải  | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2015     |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm          |
|-------------------------|------------|-----------------------------------|
| Bà Phạm Thị Ly Ly       | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Lê Văn Bình         | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2015 |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2015 |

**Ban điều hành, quản lý**

| Họ và tên               | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|-------------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Trương Minh Hoàng   | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Phạm Đình Bá        | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2017    |
| Ông Phan Trọng Thiện    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2017    |
| Ông Trần Thanh Xuân     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2017    |
| Ông Lê Hoàng Phi        | Kế toán trưởng    | Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2018  |
| Bà Nguyễn Thị Bích Liên | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019    |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Minh Hoàng – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2015).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

02209426  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XÂY LẬP  
SONACONS  
CHỖ ĐÓNG CHỮ  
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

19815-6  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
VÀ TƯ VẤN  
A&C  
PHÒNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019



**Trương Minh Hoàng**  
**Tổng Giám đốc**



Số: 1.0729/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1



**Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0093-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 3 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>182.958.930.633</b> | <b>164.332.191.129</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>18.325.712.029</b>  | <b>6.611.139.316</b>   |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 4.625.712.029          | 5.861.139.316          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 13.700.000.000         | 750.000.000            |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>33.970.000.000</b>  | <b>28.570.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2         | 33.970.000.000         | 28.570.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>94.081.357.885</b>  | <b>104.878.620.419</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 83.418.981.708         | 92.517.427.981         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 7.311.446.805          | 9.638.222.029          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 3.350.929.372          | 2.722.970.409          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                      | -                      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>32.314.647.979</b>  | <b>20.967.089.667</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 32.314.647.979         | 20.967.089.667         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>4.267.212.740</b>   | <b>3.305.341.727</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | -                      | -                      |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 4.267.212.740          | 3.305.341.727          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>63.900.000</b>      | <b>88.411.915</b>      |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>52.900.000</b>      | <b>77.411.915</b>      |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 52.900.000             | 77.411.915             |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 1.840.209.394          | 1.840.209.394          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (1.787.309.394)        | (1.762.797.479)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 28.500.000             | 28.500.000             |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (28.500.000)           | (28.500.000)           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>11.000.000</b>      | <b>11.000.000</b>      |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        |             | -                      | -                      |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        | V.9         | 11.000.000             | 11.000.000             |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>183.022.830.633</b> | <b>164.420.603.044</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>165.848.497.234</b> | <b>147.530.906.597</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>165.848.497.234</b> | <b>147.530.906.597</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.10        | 61.638.484.345         | 64.402.535.335         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.11        | 7.599.663.666          | 16.738.520.027         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.12        | 225.937.419            | 116.269.999            |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.13        | 4.077.059.123          | 3.458.943.625          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.14        | 2.106.131.460          | 2.034.773.809          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | 9.599.953.828          | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.15        | 430.254.446            | 1.108.816.716          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.16        | 79.998.518.161         | 59.671.047.086         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.17        | 172.494.786            | -                      |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

30-C

S

SONG

913-C

TY

HỮU HẠN

TƯ VẤN

C

CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

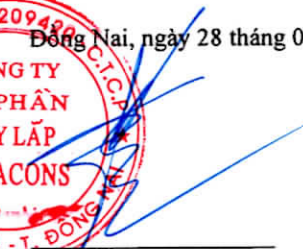
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>17.174.333.399</b>  | <b>16.889.696.447</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>17.174.333.399</b>  | <b>16.889.696.447</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.18        | 12.000.000.000         | 12.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 12.000.000.000         | 12.000.000.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.18        | 3.625.406.398          | 3.404.266.858          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.18        | 1.548.927.001          | 1.485.429.589          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 522.883.455            | 1.485.429.589          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 1.026.043.546          | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>183.022.830.633</b> | <b>164.420.603.044</b> |

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

  
 Nguyễn Thị Bích Liên  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Bích Liên  
 Kế toán trưởng

  
 Trương Minh Hoàng  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 306.276.331.490 | 277.799.519.415 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | 155.826.000     | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 306.120.505.490 | 277.799.519.415 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 287.997.702.356 | 261.075.347.705 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 18.122.803.134  | 16.724.171.710  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 2.370.399.377   | 1.706.096.389   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 5.491.348.651   | 4.527.287.988   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 5.486.391.955   | 4.524.793.818   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -               | -               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 12.994.614.386  | 11.968.893.274  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 2.007.239.474   | 1.934.086.837   |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |             | -               | -               |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |             | 1.548.692       | -               |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (1.548.692)     | -               |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 2.005.690.782   | 1.934.086.837   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.12        | 539.914.290     | 528.487.842     |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 1.465.776.492   | 1.405.598.995   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.6        | 1.037           | 997             |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.6        | 1.037           | 997             |

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019

  
 Nguyễn Thị Bích Liên  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Bích Liên  
 Kế toán trưởng

  
 Trương Minh Hoàng  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |           |             |                        |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01        |             | 2.005.690.782          | 1.934.086.837          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |           |             |                        |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02        | V.8         | 24.511.915             | 44.406.959             |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03        |             | -                      | -                      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | VI.4        | (362.679)              | (30.190)               |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05        | VI.3        | (2.370.036.698)        | (1.706.066.199)        |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06        | VI.4        | 5.486.391.955          | 4.524.793.818          |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07        |             | -                      | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 5.146.195.275          | 4.797.191.225          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09        |             | 9.835.391.521          | (10.767.464.502)       |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10        |             | (11.347.558.312)       | (18.281.746.632)       |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11        |             | (1.752.941.908)        | 32.792.897.980         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12        |             | -                      | -                      |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13        |             | -                      | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14        |             | (5.486.391.955)        | (4.524.793.818)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15        | V.12        | (466.847.606)          | (580.000.000)          |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16        |             | -                      | -                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17        | V.17        | (48.644.754)           | (37.003.360)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>(4.120.797.739)</b> | <b>3.399.080.893</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |           |             |                        |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        | V.8         | -                      | (69.000.000)           |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                      | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | (5.400.000.000)        | (9.900.000.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                      | 4.000.000.000          |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25        |             | -                      | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26        |             | -                      | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | VI.4        | 2.370.036.698          | 1.706.066.199          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                           | <b>30</b> |             | <b>(3.029.963.302)</b> | <b>(4.262.933.801)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|----------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                       |                      |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                     | -                    |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                     | -                    |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        | V.16        | 180.988.115.120       | 131.080.978.626      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        | V.16        | (160.660.644.045)     | (129.770.372.267)    |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                     | -                    |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        | V.15, 18a   | (1.462.500.000)       | (241.500.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>18.864.971.075</b> | <b>1.069.106.359</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>11.714.210.034</b> | <b>205.253.451</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>6.611.139.316</b>  | <b>6.405.135.225</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | 362.679               | 750.640              |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>18.325.712.029</b> | <b>6.611.139.316</b> |



Nguyễn Thị Bích Liên  
Người lập



Nguyễn Thị Bích Liên  
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Trương Minh Hoàng  
Tổng Giám đốc





# **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Sonacons (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thiết kế, thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 188 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 167 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định của Công ty là các máy móc và thiết bị được khấu hao từ 2 – 5 năm.

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 11. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 14. **Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                                 | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt                                                                        | 239.552.626                  | 12.150.988                  |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                                 | 4.386.159.403                | 5.848.988.328               |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 13.700.000.000               | 750.000.000                 |
| <b>Cộng</b>                                                                     | <b><u>18.325.712.029</u></b> | <b><u>6.611.139.316</u></b> |

##### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.16).

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                       | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu bên liên quan</i>         | -                     | 4.879.981.725         |
| Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình      | -                     | 4.879.981.725         |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>   | 83.418.981.708        | 87.637.446.256        |
| Công ty TNHH Haid Feed                | -                     | 4.213.952.907         |
| Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa | 4.599.399.606         | 9.138.910.671         |
| Công ty TNHH Men-Chuen Việt Nam       | 4.100.000.000         | -                     |
| Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thành phố  | 15.040.222.453        | -                     |
| Công ty TNHH M+W Việt Nam             | -                     | 10.688.198.256        |
| Các khách hàng khác                   | 59.679.359.649        | 63.596.384.422        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>83.418.981.708</b> | <b>92.517.427.981</b> |

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                             | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Trần Gia Phát                              | 2.592.330.069        | 4.295.527.085        |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Việt Trung         | 1.690.730.555        | 1.543.460.205        |
| Công ty TNHH XD TM DV Vạn Tuấn Anh                          | 1.418.535.007        | -                    |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Thái Dương | -                    | 1.229.252.000        |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Xây dựng Sông Lô            | -                    | 1.166.079.100        |
| Các nhà cung cấp khác                                       | 1.609.851.174        | 1.403.903.639        |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>7.311.446.805</b> | <b>9.638.222.029</b> |

#### 5. Phải thu ngắn hạn khác

|                                                                   | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                                                   | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa     | -                    | -        | 154.478.565          | -        |
| Tạm ứng                                                           | 1.171.599.250        | -        | 1.979.614.428        | -        |
| Ký quỹ ngắn hạn                                                   | 2.033.136.460        | -        | 470.349.000          | -        |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt nguồn (xem thuyết minh số V.17) | -                    | -        | 87.754               | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                                  | 146.193.662          | -        | 118.440.662          | -        |
| <b>Cộng</b>                                                       | <b>3.350.929.372</b> | -        | <b>2.722.970.409</b> | -        |

#### 6. Nợ quá hạn

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty có một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với số tiền là 3.355.555.361 VND (số năm trước là 5.887.171.130 VND). Tuy nhiên, theo đánh giá của Công ty, các khoản nợ này vẫn có khả năng thu hồi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS**

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

|                                                     | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                                     | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                               | 341.079.194           | -        | 314.756.585           | -        |
| Công cụ, dụng cụ                                    | 21.073.409            | -        | 10.450.000            | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang <sup>(i)</sup> | 31.952.495.376        | -        | 20.641.883.082        | -        |
| <b>Cộng</b>                                         | <b>32.314.647.979</b> | <b>-</b> | <b>20.967.089.667</b> | <b>-</b> |

<sup>(i)</sup> Chi tiết các công trình dở dang như sau:

|                                                       | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhà xưởng 47                                          |                       | 241.020.381           |
| Công trình Tháp mở rộng Sunjin Vina                   | 338.561.000           | -                     |
| Công trình Nhà xưởng số 56                            | -                     | 462.657.897           |
| Công trình Liwayway Sài Gòn Thiết kế nhà xe           | -                     | 65.828.969            |
| Công trình Haid Hải Dương                             | -                     | 134.161.037           |
| Công trình Trung tâm Dịch vụ Suối Tre                 | -                     | 161.231.000           |
| Công trình C.P Daklak                                 | -                     | 508.480.500           |
| Công trình Vật liệu mới Đồng Nai                      | 170.649.000           | 318.999.000           |
| Công trình Nhà máy cám Bến Tre                        | -                     | 48.000.000            |
| Công trình Trường tiểu học - Mỹ Tho                   | 1.883.687.873         | 1.096.883.648         |
| Công trình Đường nối 118                              | -                     | 400.000.000           |
| Công trình Nhà máy Thiên Long                         | -                     | 1.034.536.456         |
| Công trình Taiyo Nisshin                              | -                     | 1.987.906.870         |
| Công trình Nhà xưởng 54                               | -                     | 6.723.636.344         |
| Công trình Nhà xưởng 57                               | -                     | 3.606.055.809         |
| Công trình Liwayway SG - Nhà xe                       | -                     | 300.000.000           |
| Công trình Nhà máy Cà phê Sài Gòn - Cải tạo           | -                     | 337.362.987           |
| Công trình HUNTSMAN                                   | -                     | 719.049.087           |
| Công trình Liwayway VN - Bồn thép                     | -                     | 917.111.985           |
| Công trình Liwayway VN - Cải tạo nhà kho              | -                     | 826.083.123           |
| Công trình First Solar WP 10.4A- (VO-09)              | -                     | 656.823.989           |
| Công trình First Solar Mương                          | -                     | 96.054.000            |
| Công trình Thiết kế nhà máy Daeyeol Boiler Vina       | 45.507.500            | -                     |
| Dự án thiết kế và xin phép xây dựng nhà máy Ninh Bình | 452.327.500           | -                     |
| Công trình Liwayway VN - Nhà xe                       | 408.921.000           | -                     |
| Dự án mở rộng đường Amata                             | 48.400.000            | -                     |
| Công trình Huhtamaki                                  | 4.213.464.168         | -                     |
| Dự án Khu dân cư City Land                            | 1.211.508.313         | -                     |
| Nhà máy Thăng Long Giai đoạn 1- 2018                  | 12.229.455.792        | -                     |
| Dự án Cầu lạc bộ du thuyền                            | 404.990.355           | -                     |
| Công trình Liwayway VN_Hệ thống PCCC                  | 919.140.313           | -                     |
| Nhà xưởng C2                                          | 1.944.704.928         | -                     |
| Dự án Khu dân cư City Land 32 căn                     | 6.802.267.091         | -                     |
| Công trình Eco Xuan hạ tầng - gói 2-2018              | 501.072.822           | -                     |
| Công trình Liwayway VN_HT PCCC-gói 2                  | 377.837.721           | -                     |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>31.952.495.376</b> | <b>20.641.883.082</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

|                                       | Máy móc và thiết bị  |
|---------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá                            |                      |
| Số đầu năm                            | 1.840.209.394        |
| Số cuối năm                           | <b>1.840.209.394</b> |
| Trong đó:                             |                      |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.771.209.394        |
| Chờ thanh lý                          | -                    |
| Giá trị hao mòn                       |                      |
| Số đầu năm                            | 1.762.797.479        |
| Khấu hao trong năm                    | 24.511.915           |
| Số cuối năm                           | <b>1.787.309.394</b> |
| Giá trị còn lại                       |                      |
| Số đầu năm                            | 77.411.915           |
| Số cuối năm                           | <b>52.900.000</b>    |
| Trong đó:                             |                      |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                    |
| Đang chờ thanh lý                     | -                    |

#### 9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các chi phí phải trả.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

#### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                       | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả bên liên quan</b>         | <b>4.557.227.131</b>  | <b>5.939.530.152</b>  |
| Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình      | 1.835.570.510         | 3.217.873.531         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hoa Hồng       | 2.721.656.621         | 2.721.656.621         |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b> | <b>57.081.257.214</b> | <b>58.463.005.183</b> |
| Công ty TNHH Thái Hưng                | 8.850.779.099         | 1.250.585.592         |
| Công ty TNHH Đắc Hoà                  | 3.244.878.769         | 18.554.837.191        |
| Công ty TNHH Đàm Huân                 | 7.566.339.349         | 203.373.675           |
| Các nhà cung cấp khác                 | 37.419.259.997        | 38.454.208.725        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>61.638.484.345</b> | <b>64.402.535.335</b> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                              | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sino Pacific    | 670.306.863          | -                     |
| Công ty Cổ phần Liwayway Việt Nam            | 1.670.846.225        | -                     |
| Công ty TNHH MTV Setia Lái Thiêu             | 1.349.210.578        | -                     |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền          | 3.794.900.000        | -                     |
| Công ty TNHH Exyte Việt Nam                  | -                    | 10.688.198.256        |
| Công ty TNHH Taiyo Nisshin Việt Nam          | -                    | 1.900.000.000         |
| Ban Quản lý Dự án Nâng cấp Đô thị TP. Mỹ Tho | -                    | 2.187.622.000         |
| Ban Quản lý Dự án huyện Định Quán            | -                    | 1.590.000.000         |
| Các khách hàng khác                          | 114.400.000          | 372.699.771           |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>7.599.663.666</b> | <b>16.738.520.027</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | Số đầu năm         | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm        |
|----------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | -                  | 5.506.274.397         | (5.506.274.397)          | -                  |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   |                    | 6.947.891             | (6.947.891)              |                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 74.347.606         | 539.914.290           | (466.847.606)            | 147.414.290        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 41.922.393         | 513.263.591           | (476.662.855)            | 78.523.129         |
| Các loại thuế khác         | -                  | 3.000.000             | (3.000.000)              | -                  |
| <b>Cộng</b>                | <b>116.269.999</b> | <b>6.569.400.169</b>  | <b>(6.459.732.749)</b>   | <b>225.937.419</b> |

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

|                                                                                                          | Năm nay            | Năm trước          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 2.005.690.782      | 1.934.086.837      |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                    |                    |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 754.243.347        | 768.382.565        |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | (60.362.679)       | (60.030.190)       |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | 2.699.571.450      | 2.642.439.212      |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%                | 20%                |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                               | <b>539.914.290</b> | <b>528.487.842</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 13. Phải trả người lao động

|                                            | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lương phải trả nhân viên văn phòng Công ty | 707.374.938          | 559.920.714          |
| Lương phải trả Ban chỉ huy và Đội thi công | 2.635.279.185        | 2.070.306.495        |
| Lương nhân công thuê ngoài                 | 734.405.000          | 828.716.416          |
| <b>Cộng</b>                                | <b>4.077.059.123</b> | <b>3.458.943.625</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                    | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuê phụ                   | 1.590.321.317        | 1.901.810.203        |
| Chi phí bảo trì                    | 387.696.600          | -                    |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 128.113.543          | 132.963.606          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>2.106.131.460</b> | <b>2.034.773.809</b> |

#### 15. Phải trả ngắn hạn khác

|                                                      | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>    |
|------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i>                        | -                  | <b>886.413.252</b>   |
| Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình - tiền góp vốn thừa | -                  | 383.913.252          |
| Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình - tiền cổ tức       | -                  | 450.000.000          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hoa Hồng - tiền cổ tức        | -                  | 52.500.000           |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>          | <b>430.254.446</b> | <b>222.403.464</b>   |
| Tài sản thừa chờ giải quyết                          | 10.000             | 10.000               |
| Kinh phí công đoàn                                   | 68.938.333         | 153.456.366          |
| Bảo hiểm xã hội                                      | 66.126.895         | 17.644.371           |
| Bảo hiểm thất nghiệp                                 | 12.772.913         | 3.016.952            |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 282.406.305        | 48.275.775           |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>430.254.446</b> | <b>1.108.816.716</b> |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 16. Vay ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với ngân hàng công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp các hợp đồng tiền gửi của Công ty tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                       |                       |
|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm            | 59.671.047.086        |
| Số tiền vay phát sinh | 180.988.115.120       |
| Số tiền vay đã trả    | (160.660.644.045)     |
| <b>Số cuối năm</b>    | <b>79.998.518.161</b> |

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết số phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

|                                | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|--------------------|------------------|
| Số đầu năm                     | (87.754)           | (172.651.176)    |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 221.139.540        | 209.566.782      |
| Chi quỹ                        | (48.557.000)       | (37.003.360)     |
| <b>Số cuối năm</b>             | <b>172.494.786</b> | <b>(87.754)</b>  |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                                    | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận chưa<br>phân phối | Cộng                  |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước                | 12.000.000.000               | 3.194.700.076            | 918.964.158                 | 16.113.664.234        |
| Lợi nhuận trong năm<br>trước       | -                            | -                        | 1.405.598.995               | 1.405.598.995         |
| Trích lập quỹ trong năm<br>trước   | -                            | 209.566.782              | (419.133.564)               | (209.566.782)         |
| Chia cổ tức trong năm<br>trước     | -                            | -                        | (420.000.000)               | (420.000.000)         |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>        | <b>12.000.000.000</b>        | <b>3.404.266.858</b>     | <b>1.485.429.589</b>        | <b>16.889.696.447</b> |
| Số dư đầu năm nay                  | 12.000.000.000               | 3.404.266.858            | 1.485.429.589               | 16.889.696.447        |
| Lợi nhuận trong năm nay            | -                            | -                        | 1.465.776.492               | 1.465.776.492         |
| Trích lập các quỹ trong<br>năm nay | -                            | 221.139.540              | (442.279.080)               | (221.139.540)         |
| Chia cổ tức trong năm<br>nay       | -                            | -                        | (960.000.000)               | (960.000.000)         |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>          | <b>12.000.000.000</b>        | <b>3.625.406.398</b>     | <b>1.548.927.001</b>        | <b>17.174.333.399</b> |

##### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                                  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | 3.600.000.000         | 3.600.000.000         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hoa Hồng  | 1.500.000.000         | 1.500.000.000         |
| Ông Phạm Xuân Bách               | 500.000.000           | 500.000.000           |
| Ông Trương Minh Hoàng            | 500.000.000           | 500.000.000           |
| Các cổ đông khác                 | 5.900.000.000         | 5.900.000.000         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>12.000.000.000</b> | <b>12.000.000.000</b> |

##### Tình hình góp vốn điều lệ như sau

|                                                       | VND                  |
|-------------------------------------------------------|----------------------|
| Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | 20.000.000.000       |
| Số vốn đã góp                                         | 12.000.000.000       |
| <b>Vốn điều lệ còn phải góp</b>                       | <b>8.000.000.000</b> |

##### 18c. Cổ phiếu

|                                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 2.000.000   | 2.000.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-SNC-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 như sau:

|                                   | VND           |
|-----------------------------------|---------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông     | : 960.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển     | : 221.139.540 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 221.139.540 |

#### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 636,28 USD (số đầu năm là 15,087.98 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                              | Năm nay                | Năm trước              |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu hoạt động xây dựng | 302.205.991.530        | 275.597.122.800        |
| Doanh thu thiết kế           | 4.070.339.960          | 2.202.396.615          |
| Cộng                         | <b>306.276.331.490</b> | <b>277.799.519.415</b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ xây lắp cho Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình với tổng giá trị trong năm là 210.636.364 VND (năm trước là 18.123.382.735 VND).

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm giá trị công trình theo giá trị quyết toán.

### 3. Giá vốn hàng bán

|                            | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn hoạt động xây dựng | 284.270.364.073        | 258.941.461.723        |
| Giá vốn hoạt động thiết kế | 3.727.338.283          | 2.133.885.982          |
| Cộng                       | <b>287.997.702.356</b> | <b>261.075.347.705</b> |

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                                                             | Năm nay              | Năm trước            |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn                                                      | 2.344.537.599        | 1.696.526.637        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn                                                   | 25.499.099           | 9.539.562            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 362.679              | 30.190               |
| Cộng                                                                        | <b>2.370.399.377</b> | <b>1.706.096.389</b> |

### 5. Chi phí tài chính

|                                | Năm nay              | Năm trước            |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay                | 5.486.391.955        | 4.524.793.818        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 4.956.696            | 2.494.170            |
| Cộng                           | <b>5.491.348.651</b> | <b>4.527.287.988</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                           | Năm nay               | Năm trước             |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên     | 7.548.530.725         | 6.975.326.925         |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 104.085.709           | 119.299.690           |
| Thuế, phí và lệ phí       | 162.753.510           | 120.423.939           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.827.049.351         | 4.428.256.714         |
| Các chi phí khác          | 352.195.091           | 325.586.006           |
| <b>Cộng</b>               | <b>12.994.614.386</b> | <b>11.968.893.274</b> |

#### 7. Lãi trên cổ phiếu

##### 7a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|                                                                             | Năm nay       | Năm trước     |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 1.465.776.492 | 1.405.598.995 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                                             | (221.139.540) | (209.566.782) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                     | 1.244.636.952 | 1.196.032.213 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 1.200.000     | 1.200.000     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                             | <b>1.037</b>  | <b>997</b>    |

##### 7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 88.149.692.920         | 87.521.236.608         |
| Chi phí nhân công                | 31.865.861.974         | 42.345.622.225         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 24.511.915             | 44.406.959             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 9.365.730.127          | 12.595.568.413         |
| Chi phí khác                     | 4.097.669.158          | 886.321.948            |
| <b>Cộng</b>                      | <b>133.503.466.094</b> | <b>143.393.156.153</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về cổ tức phải trả cho các thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 115.200.000 VND (năm trước là 35.000.000 VND).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|             | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương  | 2.348.968.000        | 1.125.680.000        |
| Phụ cấp     | 48.000.000           | 16.000.000           |
| Tiền thưởng | 88.950.000           | 84.950.000           |
| <b>Cộng</b> | <b>2.485.918.000</b> | <b>1.226.630.000</b> |

#### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>        | <b>Mối quan hệ</b>               |
|----------------------------------|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | Cổ đông chiếm 30% vốn điều lệ.   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hoa Hồng  | Cổ đông chiếm 12,5% vốn điều lệ. |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn có phát sinh các giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

|                                         | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|-----------------------------------------|----------------|------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình</b> |                |                  |
| Mua nguyên vật liệu                     | 3.795.508.182  | 5.494.700.908    |
| Mua dịch vụ                             | 1.504.300.931  | 1.504.300.932    |
| Cổ tức phải trả                         | 288.000.000    | 126.000.000      |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hoa Hồng</b>  |                |                  |
| Cổ tức phải trả                         | 120.000.000    | 52.500.000       |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.10 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SONACONS

Địa chỉ: số 3 đường 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2019



**Nguyễn Thị Bích Liên**  
Người lập



**Nguyễn Thị Bích Liên**  
Kế toán trưởng



**Trương Minh Hoàng**  
Tổng Giám đốc

